

PHỤ LỤC III: CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (GỒM VỐN ODA) CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Số DA, chương trình	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư	TMBT		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư giai đoạn 2021-2025 (Theo Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ)			Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
							NSTW		NSTW		NSTW	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ (Cấp tỉnh quản lý)	28				13.949.455	6.886.288	2.440.556	1.650.380	8.702.255	5.806.155	807.000	
*	Phân bổ theo ngành, lĩnh vực	28				13.949.455	6.886.288	2.440.556	1.650.380	8.702.255	5.806.155	807.000	
1	- Quốc phòng	1				85.000	76.000			76.500	76.000		
2	- Công nghệ thông tin	1				55.800	50.000			50.000	50.000		
3	- Y tế, dân số và gia đình	1				1.724.105	1.456.200	1.305.000	1.305.000	151.200	151.200		
4	- Giao thông	5				3.917.583	2.724.200			3.532.000	2.724.200		
5	- Khu công nghiệp và khu kinh tế	3				3.267.820	690.000	449.696	54.800	1.164.200	635.200		
6	- Môi trường	2				1.459.600		164.800		1.214.500	600.000	335.000	
7	- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	12				3.183.092	1.762.662	520.120	290.000	2.362.500	1.455.000	472.000	
8	- Văn hóa	1				55.108	27.400	360		49.200	27.400		
9	- Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	1				137.840	59.826	580	580	47.155	47.155		
10	- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	1				63.507	40.000			55.000	40.000		
*	Phân bổ theo loại dự án	28				13.949.455	7.486.288	2.440.556	1.650.380	8.702.255	5.806.155	807.000	
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	10				5.402.510	2.203.688	2.440.196	1.650.380	1.700.555	523.555	807.000	
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	18				8.546.945	5.282.600	360		7.001.700	5.282.600		
**	Cụ thể:												
I	Quốc phòng	1				85.000	76.000			76.500	76.000		

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Số DA, chương trình	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư	TMBT		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư giai đoạn 2021-2025 (Theo Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ)			Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
							NSTW		NSTW		NSTW	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	1				85.000	76.000			76.500	76.000		
1	- Kè chống sạt lở và trồng cây bảo vệ đường tuần tra biên giới (giai đoạn 2)	1	chiều dài 12km	2021-2024	723/QĐ-UBND-HC ngày 10/06/2021 của UBND tỉnh (CTĐT)	85.000	76.000			76.500	76.000		
II	Công nghệ thông tin	1				55.800	50.000			50.000	50.000		
1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	1				55.800	50.000			50.000	50.000		
1	- Nâng cấp Hệ thống hạ tầng phục vụ Chính quyền số và an toàn thông tin mạng tỉnh Đồng Tháp	1	Thiết bị tại Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (Primary site và DR site); Thiết bị an toàn thông tin tại các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, xã; lắp đặt, cấu hình hệ thống	2021 - 2024	949/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	55.800	50.000			50.000	50.000		
III	Y tế, dân số và gia đình	1				1.724.105	1.456.200	1.305.000	1.305.000	151.200	151.200		
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	1				1.724.105	1.456.200	1.305.000	1.305.000	151.200	151.200		
1	- Dự án Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	1	700 GB	2014-2021	866/QĐ-UBND 31/7/2017, 827/QĐ-UBND ngày 13/8/2019; 1866/QĐ-UBND-HC ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh	1.724.105	1.456.200	1.305.000	1.305.000	151.200	151.200		
VI	Giao thông	5				3.917.583	2.724.200			3.532.000	2.724.200		

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Số DA, chương trình	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư	TMBT		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư giai đoạn 2021-2025 (Theo Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ)			Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
							NSTW		NSTW		NSTW	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	5				3.917.583	2.724.200			3.532.000	2.724.200		
1	- Xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn QL30-ĐT.845	1	Dài khoảng 44,8km, thiết kế cấp IV - đồng bằng, nền 9m, mặt láng nhựa rộng 7m; 27 cầu tải trọng HL93; HT cống thoát nước...	2021-2025	388/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh (CTĐT)	2.180.000	1.200.000			1.962.000	1.200.000		
2	- Đường ĐT845 đoạn Trường Xuân - Tân Phước	1	Dài khoảng 27,644km, thiết kế cấp IV - đồng bằng, nền 12m, mặt láng nhựa rộng 7m; 10 cầu tải trọng HL93; HT cống thoát nước...	2021-2024	1926/QĐ-UBND-HC ngày 23/12/2020 (QĐ CTĐT); 647/QĐ-UBND-HC ngày 28/5/2021 của UBND Tỉnh	991.810	880.000			893.000	880.000		
3	- Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT842	1	dài khoảng 26,3km, nâng cấp mở rộng đạt cấp IV đồng bằng; nền 9m, mặt bê tông nhựa nóng rộng 7m; cống thoát nước; cầu Kháng Chiến rộng 10m	2021-2024	1622/QĐ-UBND-HC ngày 16/10/2020 (QĐ CTĐT); 645/QĐ-UBND-HC ngày 28/5/2021 của UBND Tỉnh	238.055	200.000			220.000	200.000		
4	- Nâng cấp mở rộng tuyến ĐT.855 đoạn TT Tràm Chim - Hòa Bình	1	Dài khoảng 14,9km, nâng cấp đường đạt cấp V – đồng bằng, nền rộng 7,5m, mặt láng nhựa rộng 5,5m; hệ thống cống thoát nước; tường chắn BTCT	2021-2024	941/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	166.253	150.000			150.000	150.000		
5	- Nâng cấp hệ cầu trên đường ĐT.844 (đoạn Tràm Chim- Trường Xuân)	1	Nâng cấp, mở rộng 11 cầu và xây dựng mới 01 cầu Kênh Tứ, rộng 10m, tải trọng HL93	2021-2024	387/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Tỉnh (QĐ CTĐT); 646/QĐ-UBND-HC ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh	341.465	294.200			307.000	294.200		

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Số DA, chương trình	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư	TMBT		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư giai đoạn 2021-2025 (Theo Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ)			Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
							NSTW		NSTW		NSTW	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
VII	Khu công nghiệp và khu kinh tế	3				3.267.820	690.000	449.696	54.800	1.164.200	635.200		
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	1				1.266.175	90.000	449.696	54.800	35.200	35.200		
1	Hạ tầng khu công nghiệp Tân Kiều, huyện Tháp Mười	1	150ha	2017-2023	134/QĐ-TTg ngày 29/01/2010; 2433/QĐ-TTg ngày 13/12/2016 của TTCP; 1292/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND Tỉnh	1.266.175	90.000	449.696	54.800	35.200	35.200		
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	2				2.001.645	600.000			1.129.000	600.000		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp (giai đoạn 3)	1	hệ thống giao thông, thoát nước...	2021-2024	946/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	351.645	200.000			316.000	200.000		
2	Khu công nghiệp Ba Sao	1	148,3ha	2021-2026		1.650.000	400.000			813.000	400.000		
VIII	Môi trường	2				1.459.600		164.800		1.214.500	600.000	335.000	
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	1				663.704		164.800		498.500		335.000	

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Số DA, chương trình	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư	TMDT		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư giai đoạn 2021-2025 (Theo Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ)			Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
							NSTW		NSTW		NSTW	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	- Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9 + Tiểu dự án Nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững thích ứng với khí hậu cho vùng Đồng Tháp Mười - các huyện phía Bắc tỉnh Đồng Tháp	1	22.806ha	2018-2022	1693/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/5/2016 của Bộ NN&PTNT; 1251/QĐ-UBND ngày 15/10/2018; 1518/QĐ-UBND.HC ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh	663.704		164.800		498.500		335.000	
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	1				795.896	600.000			716.000	600.000		
1	- Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống công dọc sông Tiền, Thành phố Cao Lãnh (giai đoạn 2)	1	dài 7,4km, mặt đê rộng 9m, 09 công...	2022-2025	942/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	795.896	600.000			716.000	600.000		
IX	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	12				3.183.092	1.762.662	520.120	290.000	2.362.500	1.455.000	472.000	
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	6				1.610.686	597.662	520.120	290.000	968.500	290.000	472.000	
1	- Dự án phát triển cơ sở hạ tầng tỉnh Đồng Tháp	1	hệ thống đê phòng chống lũ 66,049km; hạ tầng giao thông 28,137km	2018-2022	149/QĐ-TTg ngày 28/01/2015; 34/QĐ-TTg ngày 10/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ; 1139/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND tỉnh	678.248	169.562	74.368		558.500	152.000	330.000	

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Số DA, chương trình	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư	TMBT		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư giai đoạn 2021-2025 (Theo Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ)			Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
							NSTW		NSTW		NSTW	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Hệ thống đê bao nhằm ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	1	tuyến đê bao dài 8,3km; kè bảo vệ kết hợp đê bao dài 4,9km; trạm bơm...	2018-2022	1310/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	337.697	233.100	210.000	180.000	93.000	53.000		
3	Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat) tỉnh Đồng Tháp	1		2016-2022	1992/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/5/2015, 2470/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/6/2020, và 2988/QĐ-BNN-HTQT ngày 06/8/2020 của Bộ NN&PTNT	333.556		125.752		207.000		142.000	
4	Dự án Bố trí ổn định dân cư Giồng Dúi - Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự	1	diện tích 6,5 ha, bố trí khoảng 296 hộ dân	2020 - 2022	768/QĐ-UBND.HC ngày 28/5/2020; 939/QĐ-UBND.HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh	68.719	55.000	40.000	40.000	15.000	15.000		
5	Dự án Bố trí ổn định dân cư Dinh Bà, xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng	1	diện tích 7,03 ha, bố trí khoảng 308 hộ dân	2020 - 2022	761/QĐ-UBND.HC ngày 27/5/2020; 940/QĐ-UBND.HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh	79.617	50.000	30.000	30.000	35.000	20.000		
6	Kè bờ từ đoạn Kè Bình Thành đến Vàm Phong Mỹ	1	xây dựng kè bờ dài 2.400m	2020-2023	760/QĐ-UBND.HC ngày 27/5/2020; 938/QĐ-UBND.HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh	112.849	90.000	40.000	40.000	60.000	50.000		
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	6				1.572.406	1.165.000			1.394.000	1.165.000		

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Số DA, chương trình	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư	TMBT		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư giai đoạn 2021-2025 (Theo Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ)			Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
							NSTW		NSTW		NSTW	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	1 - Hạ tầng quản lý bảo vệ rừng và phát triển hệ sinh thái bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim giai đoạn 2021-2025	1		2022-2025	950/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	72.917	50.000			65.000	50.000		
	2 - Xử lý sạt lở cấp bách sông Tiền Khu vực xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh (giai đoạn 2)	1	Dài 2.700m	2022-2025	945/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	425.000	315.000			347.000	315.000		
	3 - Bố trí dân cư tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025	1	1.000 hộ	2022-2025	983/QĐ-UBND-HC ngày 21/7/2021 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	235.898	150.000			212.000	150.000		
	4 - Phòng chống sạt lở sông để bảo vệ dân cư tại các khu vực xung yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (khu vực xã Long Thuận và Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự)	1	Dài 2.100m	2020 - 2023	1833/QĐ-UBND-HC ngày 01/12/2020 của UBND Tỉnh	306.949	250.000			300.000	250.000		
	5 - Dự án Kè Hồ Cự, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh (nối dài về phía hạ lưu)	1	Dài 2.700m	2021 - 2024	944/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	287.418	250.000			250.000	250.000		
	6 - Dự án đảm bảo nước sạch vùng nông thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Tháp	1	Nâng cấp 07 trạm cấp nước tổng công suất 23.000m3/ngđ; đường ống dài 208,1km; cấp nước sạch cho 38.899 hộ	2022- 2025	943/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	244.224	150.000			220.000	150.000		
X	Văn hóa	1				55.108	27.400	360		49.200	27.400		
1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	1				55.108	27.400	360		49.200	27.400		

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Số DA, chương trình	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư	TMBT		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư giai đoạn 2021-2025 (Theo Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ)			Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
							NSTW		NSTW		NSTW	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	1 - Nhà trưng bày Xứ ủy Nam bộ và văn hóa Óc Eo tại Khu di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp, tỉnh Đồng Tháp	1	diện tích xây dựng khoảng 2.942m2; hệ thống hạ tầng, kỹ thuật; thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy...	2020-2023 (2017-2021)	1496/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2017 của TTCP; 925/QĐ-UBND.HC ngày 30/8/2019; 1307/QĐ-UBND.HC ngày 24/8/2020 của UBND Tỉnh	55.108	27.400	360		49.200	27.400		
XI	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	1				137.840	59.826	580	580	47.155	47.155		
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	1				137.840	59.826	580	580	47.155	47.155		
1	Thu hồi ứng các dự án không thuộc Chương trình mục tiêu quy định tại Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	1				137.840	59.826	580	580	47.155	47.155		
	- Hạn hán xâm nhập mặn		nâng cấp và mở rộng 04 trạm cấp nước; nạo vét kết hợp đắp bờ bao 02 ô bao	2016 - 2018	1681/TTg-KTTH ngày 22/9/2016 của TTCP; 8121/BKHĐT-KTNN ngày 03/10/2016 của Bộ KHĐT; 1265/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh	36.000	36.000	577	577	29.120	29120		
	- Hạ tầng khu công nghiệp					101.840	23.826	3	3	18.035	18.035		
	+ Đền bù khu CN. A1 xã Tân Qui Tây Sa Đéc		10ha	2009 - 2011	428/QĐ-UBND.HC ngày 22/4/2009	3.455	3.455			25	25		
	+ Đường từ khu C MR đến ĐT 848		2km	2009 - 2013	792/QĐ-UBND.HC ngày 13/6/2007	14.866	5.119			5.093	5093		
	+ Khu HC Thương mại - Du lịch		21 hộ	2009 - 2009	476/QĐ-UBND.HC, 11/9/2009	198	198	3	3	194	194		

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Số DA, chương trình	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư	TMBT		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư giai đoạn 2021-2025 (Theo Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ)			Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
							NSTW		NSTW		NSTW	Vốn nước ngoài (ODA)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	+ Khu Công Nghiệp Sông Hậu		63,21 ha	2004 - 2010	113/QĐ-UBND.HC, 01/8/2006	83.321	15.055			12.723	12.723		
XII	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	1				63.507	40.000			55.000	40.000		
1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025	1				63.507	40.000			55.000	40.000		
1	- Dự án Xây dựng không gian khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp	1		2022- 2025	947/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh (QĐ CTĐT)	63.507	40.000			55.000	40.000		